

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LAI VUNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2023/DS-ST

Ngày: 12-4-2023.

“V/v tranh chấp về dân sự -
Hợp đồng tín dụng và hợp đồng
thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của
bên thứ ba”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phụng;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Phát Triễn;

2. Ông Nguyễn Duy Oanh;

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Vinh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cẩm Dang - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 4 năm 2023, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 84/2022/TLST-DS ngày 27 tháng 4 năm 2022, “V/v tranh chấp về dân sự - Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2023/QĐXXST-DS ngày 01/3/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 170/2023/QĐST-DS ngày 22/3/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Quỹ Tín dụng nhân dân H.

Địa chỉ: Cụm dân cư ấp Long H, xã H, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Vũ Ngh – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

- Bị đơn: 1/ Chị Phan Thị Thanh Th, sinh năm 1979.

2/ Anh Nguyễn Tấn Nh, sinh năm 1983.

Người đại diện theo ủy quyền của chị Phan Thị Thanh Th: Anh Nguyễn Tấn Nh, sinh năm 1983. Cùng địa chỉ: Số 186B, Ấp Long Th, xã H, huyện Lai V, Đồng Tháp.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Nguyễn Thanh A, sinh năm 1971.

2/ Chị Phạm Hồng Th1, sinh năm 1974.

Cùng địa chỉ: Số 783C/6, Ấp Tân Ph, xã Tân Ph, huyện Lai V, Đồng Tháp.

(Anh Ngh và anh Nh có mặt; anh A và chị Th1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Đặng Vũ Ngh trình bày:

Ngày 28/9/2018 chị Phan Thị Thanh Th và Quỹ Tín dụng nhân dân H ký Hợp đồng tín dụng số 918/18-HĐTD vay số tiền 40.000.000 đồng. Ngày 26/9/2018, Quỹ Tín dụng nhân dân H với chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 ký hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18/HĐTC-BL để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ trả nợ tiền vay, tiền lãi phát sinh của mức cho vay 40.000.000 đồng, thời hạn bảo lãnh từ ngày 21/9/2018 đến ngày 21/9/2023. Đến ngày 28/9/2019 hợp đồng tín dụng số 918/18-HĐTD đã hết hạn nên chị Th với Quỹ tín dụng nhân dân H tiếp tục ký lại hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 28/10/2019 đến ngày 28/10/2020, mục đích vay dùng để kinh doanh tu bổ vườn, lãi suất vay 1%/tháng = 12%/năm, phương thức trả lãi cuối kỳ, lãi suất nợ quá hạn 1,40%/tháng = 16,8%/năm. Nay Quỹ Tín dụng nhân dân H yêu cầu chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 cùng có trách nhiệm trả nợ gốc là 40.000.000 đồng và nợ lãi tạm tính từ ngày 01/01/2021 đến ngày 31/12/2021 là 6.702.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi kết thúc vụ án. Yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18/HĐTC-BL ngày 26/9/2018 được chứng thực tại Văn phòng công chứng Bùi Công Lược ký giữa Quỹ tín dụng nhân dân H với chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1.

Sau khi chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 trả xong nợ gốc và nợ lãi, Quỹ tín dụng nhân dân H sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Th1 và anh A. Trường hợp chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 không trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng thì Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh là diện tích 1.426m², thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 37, do hộ ông Nguyễn Thanh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Tân Ph, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp để thu hồi nợ.

Tại phiên tòa, anh Đặng Vũ Ngh là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H trình bày: Sau khi hết thời hạn vay, anh Nh có đóng cho Quỹ tín dụng nhân dân H tiền lãi tính đến ngày 31/12/2020 là

5.991.000 đồng, sau đó thì chị Th và anh Nh không trả nợ gốc và nợ lãi nữa. Nay Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu chị Phan Thị Thanh Th và anh Nguyễn Tấn Nh cùng liên đới trả nợ vay là 40.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/4/2023 là 15.325.000 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh cho đến khi kết thúc vụ án. Sau khi chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh trả xong nợ gốc và nợ lãi, Quỹ tín dụng nhân dân H sẽ trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Th1 và anh A.

Yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18/HĐTC-BL ngày 26/9/2018 được chứng thực tại Văn phòng công chứng Bùi Công Lược ký giữa Quỹ tín dụng nhân dân H với chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1. Trường hợp chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh không trả nợ vay theo hợp đồng tín dụng thì Quỹ tín dụng nhân dân H yêu cầu anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay chị Th, anh Nh và yêu cầu xử lý tài sản bảo lãnh là diện tích 1.426m², thuộc thửa đất số 327, tờ bản đồ số 37, do hộ ông Nguyễn Thanh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đất tọa lạc tại ấp Tân Ph, xã Tân Ph, huyện Lai V, tỉnh Đồng Tháp để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: Quỹ tín dụng nhân dân H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 100.000đ (*Một trăm nghìn đồng*).

- *Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Nguyễn Tấn Nh và anh Nh đại diện theo ủy quyền của bị đơn chị Phan Thị Thanh Th trình bày:* Anh Nh thống nhất với trình bày của phía nguyên đơn. Năm 2018, anh Nh và chị Th có vay dùm anh A và chị Th1 số tiền 40.000.000 đồng tại Quỹ tín dụng nhân dân H. Vì vậy ngày 26/9/2018 anh Nh, chị Th, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 có ký Hợp đồng số 63/18HĐTC-BL thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba (tài sản bảo lãnh là của anh A và chị Th1) với Quỹ Tín dụng nhân dân H để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ trong phạm vi mức cho vay 40.000.000 đồng. Sau khi kết thúc hợp đồng tín dụng nêu trên thì chị Phan Thị Thanh Th tiếp tục ký hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 vay số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng tính từ ngày 28/10/2019 đến ngày 28/10/2020, mục đích vay dùng để kinh doanh tu bổ vườn, lãi suất vay 1%/tháng = 12%/năm, phương thức trả lãi cuối kỳ, lãi suất nợ quá hạn 1,40%/tháng = 16,8%/năm. Anh Nh là người ký giấy đề nghị vay vốn cùng chị Th với tư cách là người thừa kế vào ngày 28/10/2019. Chị Th ký tên vào giấy nhận nợ ngày 28/10/2019. Vì chị Th1 và anh A cư trú khác xã không vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân H được nên anh Nh và chị Th đã vay dùm. Sau đó, anh A có đưa tiền cho anh Nh đóng tiền lãi 5.991.000 đồng cho Quỹ tín dụng nhân dân H. Khi đến thời hạn trả nợ, chị Th và anh Nh có liên lạc nhiều lần với chị Th1 và anh A để yêu cầu trả khoản vay cho Quỹ Tín dụng nhân dân H nhưng vẫn không trả. Anh Nh và chị Th đồng ý trả nợ tiền vốn vay, tiền lãi theo thỏa thuận của Hợp đồng tín dụng số 918/18-HĐTD ngày 28/9/2018 với số tiền 55.325.000 đồng. Anh Nh và chị Th không khởi kiện yêu cầu chị Th1 và anh A trả lại số tiền vay dùm 40.000.000 đồng. Nếu sau này anh Nh và chị Th có đầy đủ tài liệu

chứng cứ thì sẽ khởi kiện anh A và chị Th1 bằng một vụ kiện khác, không khởi kiện trong vụ án này.

Do hiện nay chị Th và anh Nh không có khả năng trả nợ vay và nợ lãi cho Quỹ tín dụng nên đề nghị Tòa án công nhận hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18/HĐTC-BL ngày 26/9/2018 và đề nghị xử lý tài sản thế chấp là thửa đất số 327, tờ bản đồ số 37, diện tích 1.426m², đất tọa lạc tại ấp Tân Phú, xã Tân Phước, huyện Lai Vung, do hộ ông Nguyễn Thanh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để trả nợ cho Quỹ tín dụng nhân dân H.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 trình bày:* Tòa án đã triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng chị Th1 và anh A vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến, phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn gửi cho Tòa án.

- *Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử sơ thẩm và Thư ký phiên tòa từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Xác định đúng quan hệ tranh chấp và đúng tư cách đương sự. Việc thu thập chứng cứ được thực hiện theo quy định tại các Điều 96, 97 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tổng đạt trực tiếp hoặc niêm yết các thủ tục tố tụng cho các đương sự được thực hiện đúng quy định tại các Điều 171, 175, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Việc tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được thực hiện đúng quy định tại các Điều 208, 209, 210, 211 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành Ngh chính nội quy phiên tòa. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 đã được Tòa án triệu tập họp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do đó đề nghị Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đúng theo quy định pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Quỹ tín dụng nhân dân H. Công nhận sự thỏa thuận của anh Nh, chị Th với Quỹ tín dụng nhân dân H. Anh Nh, chị Th có trách nhiệm liên đới trả cho Quỹ tín dụng H vốn vay, lãi tổng cộng là 55.325.000 đồng (trong đó nợ vay là 40.000.000đ và lãi 15.325.000đ) tính đến ngày 12/4/2023 và tiếp tục trả tiền lãi từ ngày 13/4/2023 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

Công nhận hợp đồng thế chấp bảo lãnh tài sản của người thứ 3 số 63/HĐTC-BL ngày 28/9/2018 giữa Quỹ tín dụng H với anh Nh, chị Th, ông An, bà Th1. Trường hợp anh Nh, chị Th không thực hiện đúng nghĩa vụ theo hợp

đồng tín dụng thì anh A, chị Th1 phải thực hiện nghĩa vụ của người thứ 3 đứng ra bảo lãnh tài sản (là thửa 327, TĐĐ 37, diện tích 1.423m² đất tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Lai Vung) có nghĩa vụ trả thay cho anh Nh và chị Th theo hợp đồng thế chấp bảo lãnh tài sản của người thứ 3. Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền yêu cầu Cơ quan THADS huyện Lai Vung xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ khi án có hiệu lực phát luật.

Về án phí: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên mức án phí đúng theo quy định của pháp luật.

Chi phí thẩm định thực hiện theo quy định của pháp luật.

Kiến nghị: không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả tiền nợ vay, tiền lãi theo hợp đồng tín dụng và yêu cầu công nhận hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là “Tranh chấp về dân sự - Hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba”. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện Lai Vung nên Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp thụ lý giải quyết là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân H đối với bị đơn là chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh:

Căn cứ hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân H với chị Phan Thị Thanh Th; giấy đề nghị vay vốn ngày 28/10/2019; giấy nhận nợ ngày 28/10/2019; phiếu chi ngày 28/10/2019; dự án xin vay vốn ngày 25/10/2019 do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa, anh Nguyễn Tấn Nh và anh Nh đại diện theo uỷ quyền của Phan Thị Thanh Th thừa nhận: Chị Phan Thị Thanh Th có ký hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 với Quỹ tín dụng nhân dân H để vay dùng chị Th1 và anh A số tiền 40.000.000 đồng. Anh

Nh là người ký giấy đề nghị vay vốn ngày 28/10/2019 cùng chị Th với tư cách là người thừa kế của Th. Chị Th ký tên vào giấy nhận nợ ngày 28/10/2019. Vì chị Th1 và anh A cư trú khác xã nên không vay vốn tại Quỹ tín dụng nhân dân xã H được, vì vậy anh Nh và chị Th đã vay dùm. Anh Nh, chị Th, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 có ký Hợp đồng số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018 thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba (tài sản bảo lãnh là của anh A và chị Th1) với Quỹ Tín dụng nhân dân H để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay 40.000.000 đồng, thời hạn bảo lãnh từ ngày 21/9/20218 đến ngày 21/9/2023. Anh Nh và chị Th đồng ý trả số tiền nợ vay và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng đã ký nêu trên cho Quỹ tín dụng nhân dân H.

Hội đồng xét xử xét thấy: Ngày 28/10/2019 chị Phan Thị Thanh Th có ký kết với Quỹ Tín dụng nhân dân H hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD (*Kèm phụ lục của hợp đồng*) để vay số tiền 40.000.000 đồng, lãi suất cho vay 1%/tháng (12/năm), thời hạn cho vay là 12 tháng từ ngày 28/10/2019, mục đích sử dụng tiền vay là tu bổ vườn, phương thức trả nợ lãi là cuối kỳ và kỳ hạn trả nợ là ngày 28/10/2020. Chị Th đã ký giấy nhận nợ ngày 28/10/2019 và ký phiếu chi nhận tiền ngày 28/10/2019. Sau đó, anh Nh có đóng cho Quỹ tín dụng nhân dân H tiền lãi tính đến ngày 31/12/2020 là 5.991.000 đồng. Quỹ Tín dụng nhân dân H nhiều lần yêu cầu chị Th và anh Nh trả nợ vốn và nợ lãi từ ngày 01/01/2021 nhưng chị Th không thanh toán.

Đối với anh Nguyễn Tấn Nh mặc dù anh Nh không trực tiếp ký tên vào hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 nhưng anh Nh là người ký tên vào giấy đề nghị vay vốn ngày 28/10/2019 cùng chị Th với tư cách là người thừa kế của Th và anh Nh ký tên vào bên vay tại Hợp đồng số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018 thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba với Quỹ Tín dụng nhân dân H với tư cách là người thừa kế của chị Th. Bên cạnh đó, anh Nh cũng thừa nhận anh biết và cùng chị Th ký các thủ tục để vay số tiền 40.000.000 đồng tại Quỹ Tín dụng nhân dân H. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Tấn Nh và anh Nh đại diện theo uỷ quyền của Phan Thị Thanh Th thống nhất cùng liên đới trả tiền nợ vay 40.000.000 đồng và nợ lãi số tiền 15.325.000 đồng theo yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định tại Điều 24 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận sự tự nguyện của anh Nh và chị Th.

Quỹ Tín dụng nhân dân H thay đổi yêu cầu khởi kiện không yêu cầu anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019. Vì chị Phan Thị Thanh Th là người ký hợp đồng tín dụng và anh Nguyễn Tấn Nh là chồng của chị Th nên Quỹ Tín dụng nhân dân H yêu cầu chị Th và anh Nh cùng có trách nhiệm liên đới trả tiền nợ vay và nợ lãi theo hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật Dân sự và Điều 24, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

Từ những căn cứ và Điều luật đã phân tích trên, xét thấy nguyên đơn là Quỹ Tín dụng nhân dân H và bị đơn là chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn

Nh đã tự nguyện thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội, vì vậy Hội đồng xét xử công nhận sự tự nguyện thoả thuận của nguyên đơn là Quỹ Tín dụng nhân dân H và bị đơn là chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh cụ thể như sau:

Chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh cùng có nghĩa vụ liên đới trả cho Quỹ Tín dụng nhân dân H nợ vay theo hợp đồng tín dụng là 55.325.000 đồng (*trong đó vốn gốc 40.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/4/2023 là 15.325.000 đồng*).

Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 13/4/2023 theo mức lãi suất thoả thuận thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 cho đến khi chị Th và anh Nh thi hành án xong.

[2.3] Xét yêu cầu công nhận Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018 của Quỹ Tín dụng nhân dân H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018 được ký kết giữa: Bên nhận thế chấp là Quỹ Tín dụng nhân dân H; Bên vay vốn là chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh; Bên thế chấp bảo lãnh cho bên vay vốn là anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 là hoàn toàn tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc. Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ 3 không có đăng ký giao dịch bảo đảm nhưng có công chứng theo quy định của pháp luật. Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ 3 được thực hiện đúng theo quy định nội bộ về cho vay và quy định bảo đảm về khoản tiền cho vay (theo công văn trả lời của Ngân hàng nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh Đồng Tháp số 1241/ĐTH-TTGS ngày 28/12/2022). Bên cạnh đó, các đương sự cũng không có tranh chấp. Do đó, công nhận hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/HĐTC-BL ngày 28/9/2018 được ký giữa Quỹ tín dụng H với anh Nh, chị Th, ông An, bà Th1. Theo đó, anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 đồng ý dùng tài sản là: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 327, tờ bản đồ số 37, diện tích 1.426,0m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CB 063241, số vào sổ cấp GCN: CH06797, đất do Ủy ban nhân dân huyện Lai Vung cấp ngày 03/02/2016, nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý ngày 22/3/2016 do hộ ông Nguyễn Thanh A đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả tiền vay, tiền lãi phát sinh (kể cả lãi quá hạn) khi chị Th và anh Nh không thực hiện đúng hợp đồng tín dụng đã ký theo phạm vi bảo lãnh.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ đối với anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 nhưng chị Th1 và anh A vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do chính đáng và không có văn bản trình bày ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản bác lại yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Khoản 3 Điều 336 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“3. Các bên có thể thỏa thuận sử dụng biện pháp bảo đảm bằng tài sản để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”.

Khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định:

“1. Trường hợp bên được bảo lãnh không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ thì bên bảo lãnh phải thực hiện nghĩa vụ đó”.

Khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 quy định:

“2. Trong trường hợp khách hàng không trả được nợ đến hạn, nếu các bên không có thỏa thuận khác thì tổ chức tín dụng có quyền xử lý nợ, tài sản bảo đảm tiền vay theo hợp đồng cấp tín dụng, hợp đồng bảo đảm và quy định của pháp luật. Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ, mua bán nợ của tổ chức tín dụng thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước”.

Căn cứ quy định của pháp luật đã được phân tích nêu trên, trường hợp chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh không thực hiện đúng nghĩa vụ trả số tiền vốn vay và tiền lãi theo hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 cho Quỹ tín dụng nhân dân H thì buộc anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 phải có trách nhiệm dùng tài sản là giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 327, tờ bản đồ số 37, diện tích 1.426,0m², mục đích sử dụng đất chuyên trồng lúa nước, tọa lạc tại xã Tân Phước, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp theo giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số phát hành CB 063241, số vào sổ cấp GCN: CH06797 cấp cho hộ ông Nguyễn Thanh A vào ngày 22/3/2016 để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ đối với Quỹ Tín dụng nhân dân H là trả nợ tiền vay, tiền lãi phát sinh (kể cả lãi quá hạn) theo phạm vi bảo lãnh của Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018. Do đó, Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018 là có căn cứ và phù hợp với quy định tại Điều 299, 335, 336, 342 Bộ luật dân sự năm 2015 nên chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về án phí: Chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh cùng liên đới chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 và khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[4] Về chi phí tố tụng: Quỹ tín dụng nhân dân H tự nguyện chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 100.000đ (Một trăm nghìn đồng). Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của Quỹ tín dụng nhân dân H.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Xét lời phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là có căn cứ và phù hợp pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 91, Điều 92, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 246, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 299, Điều 335, Điều 336, Điều 342, Điều 463 và Điều 466 Bộ luật Dân sự;

Căn cứ các Điều 4; Điều 91; Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

Căn cứ các Điều 24 và Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 2 và khoản 8 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Công nhận sự thỏa thuận của nguyên đơn là Quỹ tín dụng nhân dân H và bị đơn là chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh.

Chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh cùng có nghĩa vụ liên đới trả nợ vay cho Quỹ tín dụng nhân dân H theo hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 là 55.325.000 đồng (*trong đó vốn vay 40.000.000 đồng và nợ lãi tính đến ngày 12/4/2023 là 15.325.000 đồng*). Tiếp tục tính lãi kể từ ngày 13/4/2023 theo mức lãi suất thỏa thuận thể hiện tại hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 cho đến khi chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh thi hành án xong.

2. Công nhận Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018 có hiệu lực pháp luật.

Kể từ khi bản án quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật mà chị Phan Thị Thanh Th và anh Nguyễn Tấn Nh chưa thanh toán xong khoản nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 937/18-HĐTD ngày 28/10/2019 thì Quỹ tín dụng nhân dân H có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự kê biên phát mãi tài sản thế chấp bảo lãnh theo Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018 để thu hồi nợ.

Trong trường hợp chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh đã thi hành án xong mà tài sản bảo đảm không bị xử lý thi hành án thì Quỹ tín dụng nhân dân H phải trả lại cho bên thế chấp bảo lãnh là anh Nguyễn Thanh A và chị Phạm Hồng Th1 toàn bộ bản chính giấy tờ thế chấp theo Hợp đồng thế chấp bảo lãnh bằng tài sản của bên thứ ba số 63/18HĐTC-BL ngày 26/9/2018. (*Hiện Quỹ tín dụng đang giữ*).

(*Kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 13/7/2022*).

3. Về án phí, tạm ứng án phí:

Quỹ tín dụng nhân dân H không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Quỹ tín dụng nhân dân H còn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.168.000

đồng (*Một triệu, một trăm sáu mươi tám nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0006029 ngày 25/4/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Phan Thị Thanh Th, anh Nguyễn Tấn Nh cùng liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 2.766.000 đồng (*Hai triệu, bảy trăm sáu mươi sáu nghìn đồng*) (chưa nộp).

5. Về chi phí tố tụng: Quỹ tín dụng nhân dân H tự nguyện chịu tiền xem xét, thẩm định tại chỗ là 100.000 đồng (*Một trăm nghìn đồng*). (*Đã chi xong*).

4. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (12/4/2023). Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo 15 ngày, tính từ ngày bản án này được giao cho họ hoặc được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND huyện Lai Vung;
- Chi cục THADS huyện Lai Vung;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Phụng